TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 27/02/ 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công.**

2. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2017/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1952 (Có mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị Bé Mười N**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lưu Thị T**, sinh năm 1943 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Giữa bà với bà Cao Thị Bé Mười N là hàng xóm với nhau nên bà có cho bà Mười N vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

+ Vào ngày 24/10âl/2014, bà cho bà Mười N vay số tiền 100.000.000 đồng, bà đã nhận lãi từ tháng 11/2014 đến tháng 4/2015 là 60.000.000 đồng và mỗi tháng bà có bớt lãi cho bà Mười N 600.000đ x 6 tháng = 3.600.000 đồng. Mẹ bà Mười N (là bà Lưu Thị T) nhận thay.

+ Vào ngày 19/3âl/2015, bà cho bà Mười N vay số tiền 50.000.000 đồng, bà đã nhận lãi được 01 tháng là 5.000.000 đồng và bà có bớt lãi 600.000 đồng. Mẹ bà Mười N (là bà Lưu Thị T) nhận thay.

Cả 02 lần vay này đều không thỏa thuận lãi suất, vì chỗ hàng xóm nên bà Mười N nói "tôi (H) cho cô Mười N vay cô (Mười N) sẽ gởi lãi cho tôi", thời hạn vay đều là 01 tháng.

Từ tháng 5/2015 thì bà Mười N không đóng lãi và trả vốn gốc cho bà, bà có yêu cầu bà Mười N trả tiền nhiều lần nhưng bà Mười N hứa trả nhưng không thực hiện. Bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vào ngày 23/12/2016 thì bà Mười N thừa nhận nợ bà số tiền vốn gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng và yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng từ ngày 01/01/2017 cho đến khi hết nợ, nhưng từ khi cam kết chỉ trả được 02 lần (đến tháng 3/2017) = 6.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay bà xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện 6.000.000 đồng (trong số tiền 50.000.000đ) đối với bà Cao Thị Bé Mười N, yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ 24/10âl/2014 cho đến ngày xét xử và yêu cầu trả số tiền vốn 44.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền vốn 50.000.000 đồng từ ngày 19/3âl/2015 cho đến ngày 01/01/2017, lãi trên số tiền vốn 44.000.000 đồng từ tháng 01/3/2017 đến khi xét xử.

Đối với số tiền lãi bà đã bớt cho bà Mười N tổng cộng 3.600.000 đồng mà bà Lưu Thị T (mẹ bà Mười N) nhận thay, bà tự nguyện cho bà T, bà không tranh chấp đối với số tiền nay.

Đối với số tiền lãi bà đã nhận 02 lần tổng cộng là 65.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ lãi đã nhận vào vốn gốc.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị H xác định ngày 24/10al/2014 bà cho bà Mười N vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, mục đích bà Mười N vay để xoay sở trong gia đình, đến thời hạn bà Mười N không trả tiền vốn nhưng bà Mười N có trả lãi cho bà từ tháng 11/2014 đến tháng 4/2015 với số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 19/3al/2015 bà cho bà Mười N vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận

lãi suất 10%/tháng, mục đích vay cũng xoay sở trong gia đình, bà có nhận lãi vào tháng 4.2015 với số tiền 5.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều có làm biên nhận do bà H viết, bà Mười N ký tên. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình hòa giải tại Tòa án. Bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu bà Mười N trả cho bà số tiền 6.000.000 đồng trong số tiền 50.000.000 đồng bà đã cho bà Mười N vay.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ngày 19/10/2017 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T, bà T trình bày: Bà là mẹ ruột của Cao Thị Bé Mười N, bà có biết việc bà Mười N có vay tiền của bà Phan Thị H tổng cộng là 150.000.000 đồng và có trả được vốn gốc là 6.000.000 đồng, bà là người trực tiếp đi đóng lãi dùm cho Mười N, nhưng bà không nhớ đóng bao nhiêu? Thời gian nào? Mỗi lần đóng lãi thì bà H đều có bớt lãi cho bà Mười N nhưng bao nhiêu thì bà không biết. Việc bà H bớt lãi, bà Mười N đều biết và cho bà để tiêu xài cá nhân. Nay đối với vụ kiện này bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bị đơn bà Cao Thị Bé Mười, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng bà Mười N, bà T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Theo bà Phan Thị H trình bày: Ngày 24/10al/2014, bà H có cho bà Mười N vay 100.000.000 đồng, nhận lãi 60.000.000 đồng; ngày 19/3al/2015 bà Mười N tiếp tục vay 50.000.000 đồng, nhận lãi 5.000.000 đồng. Ngày 23/12/2016 tại UBND xã A, bà Mười N thừa nhận nợ bà H 150.000.000 đồng đã trả được 6.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Mười N trả 144.000.000 đồng, trong đó tính lãi suất theo quy định pháp luật số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 24/10al/2014 đến ngày xét xử, số tiền 44.000.000 đồng từ tháng 3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Hy xác định có giảm lãi cho bà Mười N 3.600.000 đồng và tự nguyện cho bà Lưu Thị T (mẹ của bà Mười N) 3.600.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết. Đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 65.000.000 đồng.

Phía bà Cao Thị Bé Mười N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà Mười N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội và pháp luật, được thể hiện bằng 02 biên nhận nợ ngày 24/10al/2014 và 19/3al/2015 với nội dung "Bà Mười N có vay bà H tổng cộng 150.000.000 đồng". Mặt khác, tại UBND xã A ngày

23/12/2016 bà Mười N thừa nhận nợ bà H 150.000.000 đồng và đã trả được 6.000.000 đồng nên việc bà H khởi kiện là có căn cứ.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng, bà H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về lãi suất, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 24/10al/2014 đến ngày xét xử, số tiền 44.000.000 đồng từ tháng 3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do bà Mười N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu tính lãi suất là phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, lãi suất các bên đã giao nhận là cao so với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh số tiền lãi bà H đã nhận 65.000.000 đồng.

Riêng, số tiền 3.600.000 đồng bà H tự nguyện cho bà T và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Bà Phan Thị H khởi kiện bà Cao Thị Bé Mười N. Bà Mười N có nơi cư trú tại ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Cao Thị Bé Mười N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà Mười N, bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mười N, bà T là có căn cứ.

[3] Ngày 23/8/2017 bà Phan Thị H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 24/10al/2014 cho đến khi Tòa án xét xử và trả lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 19/3al/2015 cho đến khi Tòa án xét xử. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ 24/10âl/2014 cho đến ngày xét xử và yêu cầu trả số tiền vốn 44.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền vốn 50.000.000 đồng từ ngày 19/3âl/2015 cho đến ngày 01/01/2017, lãi trên số tiền vốn 44.000.000 đồng từ tháng 3/2017 đến khi xét xử. Bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu

bà Mười N trả cho bà số tiền 6.000.000 đồng trong số tiền 50.000.000 đồng bà đã cho bà Mười N vay. Xét thấy, việc bà H thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

- Về pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 144.000.000 đồng. Bà H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 24/10âl/2014, biên nhận ngày 19/3âl/2015 và biên bản hòa giải 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã A có chữ ký tên của bà Cao Thị Bé Mười N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Mười N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh lời khai của bà Lưu Thị T là mẹ ruột của bà Mười N, thể hiện bà T biết việc bà Mười N có vay tiền của bà H là 150.000.000 đồng, hàng tháng bà Mười N gửi tiền về cho bà để bà trả lãi cho bà H và bà Mười N có trả được cho bà H vốn gốc 6.000.000 đồng điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/10/2017 đối với cán bộ tư pháp xã A người trực tiếp tham gia hòa giải ngày 23/12/2016. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và việc bà Mười N đã vay tiền của bà H tổng số tiền 150.000.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng, hiện còn nợ 144.000.000 đồng là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Do phía bà Mười N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Nay bà H khởi kiện là có cơ sở.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Mười N là người có nghĩa vụ trả tiền cho bà H nhưng không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên bà Mười N phải trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều 305, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 là phù hợp. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà Mười N thể hiện đây là Hợp đồng vay có thời hạn là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất nên lãi suất sẽ được tính kể từ ngày bà Mười N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng bà H cho bà Mười N vay ngày 24/10al/2016 thì thời hạn tính lãi kể từ ngày 24/11al/2016, đối với số tiền 50.000.000 đồng bà H cho bà Mười N vay ngày 19/3al/2015 thì thời hạn tính lãi kể từ ngày 19/4al/2015, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 100.000.000 đồng từ ngày 24/10âl/2014 và yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng từ ngày 19/3âl/2015 là phù hợp.

[6] Đối với số tiền lãi 65.000.000 đồng mà bà H đã nhận, nay bà H đồng ý điều chỉnh lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền 65.000.000 đồng vào phần lãi suất, xét thấy sự tự nguyện này là phù hợp nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

* Đối với số tiền 100.000.000 đồng, từ ngày 24/11âl/2014 (tức ngày 14/01/2015) đến ngày 24/4âl/2015 (tức ngày 10/6/2015) là 147 ngày. Áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng): Vốn 100.000.000đ x 150% x 9%/năm (9/12/30 = 0,025/ngày) x 147 ngày = 5.513.000đ.

Lãi đã nhận 60.000.000đ – 5.513.000đ = 54.487.000đ.

Trừ vào vốn 100.000.000đ – 54.487.000đ = 45.513.000đ.

Từ ngày 10/7/2015 đến ngày 27/02/2018 là 963 ngày. Áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng): Vốn 45.513.000đ x 150% x 9%/năm (9/12/30 = 0,025/ngày) x 963 ngày = 16.436.000đ (1)

* Đối với số tiền 50.000.000 đồng, từ ngày 19/4âl/2015 (tức ngày 05/6/2015) đến ngày 01/01/2017 là 576 ngày. Áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng): Vốn 50.000.000đ x 150% x 9%/năm (9/12/30 = 0,025/ngày) x 576 ngày = 10.800.000đ.

10.800.000đ - 5.000.000đ (tiền lãi đã nhận) = 5.800.000đ (2).

* Số vốn gốc 50.000.000 đồng - 6.000.000 đồng đã nhận = 44.000.000 đồng.

Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 27/02/2018 là 363 ngày. Áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng): Vốn 44.000.000đ x 150% x 9%/năm (9/12/30 = 0,025/ngày) x 363 ngày = 5.990.000đ. (3)

Tổng cộng vốn là: 45.513.000đ + 44.000.000đ = 89.513.000đ.

Tổng cộng tiền lãi là: 16.436.000đ + 5.800.000đ + 5.990.000đ = 28.226.000đ.

[7] Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn 89.513.000đ và số tiền lãi 28.226.000đ. Tổng cộng 117.739.000đ.

[8] Đối với số tiền lãi bà Hy đã bớt cho bà Mười N tổng cộng 3.600.000 đồng mà bà Lưu Thị T (mẹ bà Mười N) nhận thay, bà H tự nguyện cho bà T, bà

không tranh chấp đối với số tiền này. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T, quá trình giải quyết vụ án bà không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Phan Thị H được chấp nhận nên bà Cao Thị Bé Mười N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Cao Thị Bé Mười N.

+ Buộc bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn và lãi tổng cộng 117.739.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: 5.886.950 đồng (Năm triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi đồng) bà Cao Thị Bé Mười N phải chịu.

Hoàn lại bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014121, ngày 03/7/2017 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014286, ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư